

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày 27/12/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành và bà Vũ Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T: Bà Đoàn Thị Thuý, Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2024, tại Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2024/TLST-DS ngày 13/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS ngày 04/12/2024; giữa:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1960;

HKTT: Khu phố Đ, phường K, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Như Q, sinh năm 1970; Có mặt

Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1968; Có mặt

HKTT: Số nhà 124, phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI D V VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Ngô Thị D trình bày:

Bà và vợ chồng ông Q, bà Ng không có quan hệ họ hàng gì mà chỉ quen biết nhau. Ông Q, bà Ng làm ăn nên cần vốn đã đến gia đình bà để vay tiền. Bà cho vợ chồng ông Q, bà Ng vay số tiền là 1,5 tỷ đồng. Khi vay, ông Q là người viết giấy tờ vay, ông Q, bà Ng cùng ký giấy tờ vay đầy đủ. Trên giấy tờ không ghi thời hạn trả, không ghi lãi suất cụ thể nhưng thực tế 2 bên thoả thuận miệng với nhau về thời hạn trả gốc và lãi như sau: Thời hạn trả gốc là khi nào bà cần thì báo trước cho ông Q, bà Ng 01 tháng để ông Q, bà Ng thu xếp tiền trả. Lãi suất hai bên thoả thuận là 1%/ tháng/ 1,5 tỷ, tháng nào ông Q, bà Ng cũng phải trả lãi cho bà số tiền 15 triệu đồng đầy đủ. Sau khi ông Q, bà Ng vay tiền, đến

tháng, theo thoả thuận, bà đến đòi lãi nhưng ông Q, bà Ng không trả lãi cho bà. Đến tận ngày 18/4/2022, vợ chồng ông Q, bà Ng mới trả được 20 triệu tiền lãi. Ông Q, bà Ng chưa trả thêm được bất kỳ khoản tiền nào khác. Bà đã đến nhà đòi ông Q, bà Ng nhiều lần, đòi cả gốc và lãi. Tuy nhiên, ông Q, bà Ng không thực hiện việc trả nợ. Số tiền bà cho ông Q, bà Ng vay là khoản tiền của cá nhân của bà, không liên quan gì đến chồng và các con cũng như các thành viên khác trong gia đình bà. Bà đề nghị Toà án buộc ông Q, bà Ng phải trả số tiền gốc đã vay là 1,5 tỷ đồng, lãi suất theo thoả thuận là 1%/ tháng/ 1,5 tỷ. Thời gian tính lãi từ ngày 19/4/2022 đến hôm nay 27/12/2024 là 32 tháng 8 ngày bằng 484 triệu đồng, làm tròn 32 tháng bằng 480 triệu đồng và tiếp tục trả lãi cho bà đến khi vợ chồng ông Q trả xong toàn bộ gốc, mức lãi suất là 1%/ tháng. Đối với số tiền 20 triệu đồng ông Q, bà Ng trả lãi, bà không đề nghị toà án giải quyết mà xác định đây là số tiền lãi từ khi vay đến ngày 18/4/2022. Bà không đồng ý cho ông Q, bà Ng trả dần khoản nợ vì thời gian vay đã quá lâu.

Bị đơn là ông Nguyễn Như Q và bà Vũ Thị Ng trình bày:

Ông bà xác định có vay của bà Ngô Thị D số tiền 1,5 tỷ đồng như giấy biên nhận ngày 26/4/2019 âm lịch tức ngày 30/5/2019. Giấy vay nợ do vợ chồng ông bà tự viết và ký nhận. Hai bên thoả thuận miệng với nhau lãi suất là 2%/ tháng/1,5 tỷ, trả lãi đều hàng tháng vào ngày 30 dương lịch. Hiện ông bà không cung cấp được tài liệu nào chứng minh việc hai bên thoả thuận lãi suất là 2%/ tháng/ 1,5 tỷ đồng. Hai bên không thoả thuận thời điểm trả gốc là thời gian nào. Vợ chồng ông bà xác định bà D có lên đòi gốc của vợ chồng ông bà.

Trong thời gian vay đến hiện nay vợ chồng ông bà đã trả lãi cho bà D đều đặn hàng tháng. Thời điểm trả lãi cuối cùng là ngày 18/4/2022 dương lịch, trả số tiền lãi là 20 triệu đồng. Từ ngày 19/4/2022 đến nay ông bà không thể trả được lãi cho bà D vì làm ăn vỡ nợ, không còn khả năng thanh toán. Vợ chồng ông bà chưa trả được bà D khoản tiền gốc nào. Hiện nay, bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả gốc là 1,5 tỷ đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/4/2022 đến nay với mức lãi suất là 1%/ tháng. Vợ chồng ông bà đồng ý trả gốc, không đồng ý trả lãi với mức lãi suất 1%/ tháng. Ông bà đề nghị được trả mức lãi suất là 05 triệu đồng/ tháng/1,5 tỷ đồng cho bà D đến khi thanh toán hết nợ. Đối với số tiền lãi 20 triệu đồng vợ chồng ông bà đã trả cho bà D, ông bà không đề nghị toà án giải quyết vì đây là khoản lãi trước ngày 19/4/2022. Do hiện vợ chồng ông bà vỡ nợ, không có khả năng thanh toán nên ông bà xin được trả dần cho bà D hàng tháng chứ không thể có khả năng trả liền 1 lúc toàn bộ khoản nợ.

Toà án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố

tụng dân sự; các Điều 119, 398, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là ông Nguyễn Như Q và bà Vũ Thị Ng phải trả bà Ngô Thị D số tiền 1,5 tỷ đồng. Lãi suất tính từ ngày 19/4/2022 đến ngày xét xử 27/12/2024 là 32 tháng 08 ngày bằng 484 triệu đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn tính tròn là 32 tháng bằng 480 triệu đồng nên đề nghị HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn. Bị đơn còn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 28/12/2024 đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất 1%/ tháng.

Ông Nguyễn Như Q, bà Vũ Thị Ng phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong H sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền vay theo văn bản đã viết. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại điều 463 BLDS 2015. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng là 03 năm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 BLTTDS 2015 thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại khi bị đơn thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình. Ngày 18/11/2024, ông Q, bà Ng thừa nhận toàn bộ số nợ đã vay là 1 tỷ 500 triệu đồng của bà D nên thời hiệu khởi kiện tính từ ngày 18/11/2024. Bị đơn là ông Nguyễn Như Q và bà Vũ Thị Ng có hộ khẩu thường trú tại phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn là bà Ngô Thị D yêu cầu bị đơn là ông Q, bà Ng phải trả số tiền gốc vay là 1,5 tỷ đồng, tiền lãi vay tính từ ngày 19/4/2022 đến 27/12/2024 = 1,5 tỷ đồng x 1%/ tháng x 32 tháng 8 ngày 484.000.000đ, làm tròn 480 triệu đồng

Đối với yêu cầu về số tiền gốc 1,5 tỷ đồng. Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là 01 giấy viết tay có nội D: “*ngày 26/4/ tức ngày 30/5 dl năm 2019 em FM Q Ng vay của chị D phổ dâu số tiền 1.500.000.000(một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)* ” có chữ ký của ông Q, bà Ng. Ông Q, bà Ng xác nhận chữ viết, chữ ký trong giấy viết tay đó là của ông bà. Giấy viết tay tuy không hoàn chỉnh về hình thức và nội D theo quy định tại Điều

119, 398 BLDS 2015 nhưng vẫn đảm bảo những nội D chính và hình thức bằng văn bản nên được xác định là hợp đồng vay tài sản. Như vậy có đủ căn cứ xác định ngày 30/5/2019, vợ chồng ông Q, bà Ng và bà D có thỏa thuận cho nhau vay số tiền 1,5 tỷ đồng. Các bên đương sự đều xác định có giao và nhận số tiền là 1,5 tỷ đồng. Việc giao nhận tiền diễn ra tại nhà bà D. Tại thời điểm lập và ký kết hợp đồng vay tài sản ông Q, bà Ng và bà D đều tự nguyện thỏa thuận, không bị ép buộc. Các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên đều xác nhận đối tượng của hợp đồng là có thật nên hợp đồng vay tài sản không vi phạm quy định của pháp luật. Nội dung của hợp đồng vay tài sản là hợp pháp, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ hợp đồng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc của bà D là có căn cứ cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu về số tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi tương đương 32 tháng 08 ngày bằng 484 triệu đồng, làm tròn 32 tháng bằng 480 triệu đồng. Theo lời khai của các bên đương sự xác định ngoài nội dung chính thỏa thuận trong giấy viết tay hai bên còn thỏa thuận một số nội dung khác bằng miệng gồm mức lãi suất và thời hạn trả gốc. Nguyên đơn, bị đơn cùng xác định khi nào nguyên đơn cần thì báo trước cho bị đơn ít ngày để bị đơn thu xếp trả gốc. Nguyên đơn xác định lãi suất là 1%/ tháng. Bị đơn trình bày lãi suất là 2%/ tháng. Thời hạn trả lãi, 2 bên đương sự cùng xác định là ngày 30 của tháng dương lịch. Do vậy, xác định các bên có thỏa thuận lãi là đúng. Tuy nhiên, không bên nào chứng minh được mức lãi suất cụ thể là 1% hay 2%/ tháng. Như vậy, xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi. Bên cho vay đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền, bên vay phải có nghĩa vụ trả gốc và lãi đúng hạn. Thời hiệu khởi kiện vụ án được bắt đầu lại từ ngày 18/11/2024 nên yêu cầu tính lãi của bà D là phù hợp cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu mức lãi suất là 1%/ tháng. Bị đơn xin trả mức lãi là 05 triệu đồng/ 1,5 tỷ/ tháng, bị đơn đồng ý với thời gian tính lãi từ ngày 19/4/2022 đến ngày xét xử 27/12/2024 bằng 480 triệu đồng, đồng ý tiếp tục trả lãi đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy mức lãi suất nguyên đơn đưa ra là 1%/ tháng không vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với số tiền lãi ông Q, bà Ng đã trả bà D, các bên đương sự không đề nghị toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà D đối với ông Q, bà Ng là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ.

[4]. Án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Như Q và bà Vũ Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 119, 398, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Như Q và bà Vũ Thị Ng phải trả bà Ngô Thị D số tiền gốc vay là 1,5 tỷ đồng, tiền lãi tính từ ngày 19/4/2022 đến ngày xét xử 27/12/2024 là 480.000.000đ. Tổng số tiền ông Q, bà Ng phải trả bà D là 1.980.000.000đ (Một tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng). Ông Q, bà Ng còn phải có nghĩa vụ phải trả khoản tiền lãi tính từ ngày 28/12/2024 trên số tiền gốc chưa thanh toán đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất là 1%/ tháng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí: Ông Nguyễn Như Q và bà Vũ Thị Ng phải chịu 71.400.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 BLTTDS: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS tx T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu H sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

